

Số: /2026/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên
thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo
trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 46/2014/QH15 và Luật số 51/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo
hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLDDTBXH ngày 27
tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động Thương
binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh
nghề nghiệp;*

Căn cứ Thông tư số 50/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 25/2025/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 09/BC-VHXXH và Báo cáo thẩm tra số 10/BC-VHXXH ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội số ... /BC-UBND ngày ... tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ một số thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 không có thu nhập hằng tháng (tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và các khoản trợ cấp khác từ ngân sách nhà nước) thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo quy định tại Bảng 1,

Bảng 2, Bảng 3 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp.

b) Người mắc bệnh hiểm nghèo quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh hiểm nghèo để các tổ chức, cá nhân vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo. Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội, Luật An toàn, vệ sinh lao động về lĩnh vực y tế và một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

c) Trẻ em thuộc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận giai đoạn 2026-2030.

d) Người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất được hưởng chính sách hỗ trợ cho đến khi kết thúc học, nhưng tối đa không quá 22 tuổi.

đ) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

Không có vợ, chồng, con (bao gồm cả các trường hợp: có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn; có vợ, chồng, con nhưng những người này đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật).

Có vợ hoặc chồng và không có con (bao gồm cả trường hợp có con nhưng con đã chết hoặc mất tích theo quy định của pháp luật).

Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp: đang hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng hằng tháng tại cộng đồng; đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội; đang chấp hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; con dưới 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi đến không quá 22 tuổi đang trong thời gian học văn hóa, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất; thuộc đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Hỗ trợ thu nhập hằng tháng

1. Hỗ trợ thêm hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này (ngoài phần kinh phí trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công

với cách mạng hằng tháng từ ngân sách nhà nước) để đảm bảo tổng kinh phí hỗ trợ bằng mức thu nhập chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030 do Chính phủ quy định, cụ thể như sau:

a) Năm 2026 là 2.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị (*phường*) và 1.500.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn (*xã và đặc khu*).

b) Từ năm 2027 đến năm 2030 là 2.800.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị (*phường*) và 2.200.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn (*xã và đặc khu*).

Trong thời gian thực hiện chính sách, các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ thêm hằng tháng mà không còn được hưởng trợ cấp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội từ ngân sách nhà nước thì được hỗ trợ 100% mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Hỗ trợ hằng tháng cho các đối tượng tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này bằng mức thu nhập quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

3. Thời gian được hưởng chính sách: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế

Người thuộc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận từ năm 2025 đến năm 2030 được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Do ngân sách thành phố bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

b) Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định hỗ trợ thành viên thuộc hộ nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày....tháng....năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác Đại biểu (Quốc hội);
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Nội vụ; Y tế; Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế (Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Y tế, Tài chính);
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL (Bộ TP);
- TT TU, TT HĐND TP, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- TT ĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PT, THHP; Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu